

Bản án số: 151/2022/KDTM-ST
Ngày: 26 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Bảo Lâm
- Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2022/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 240/2022/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Kỹ thuật X

Trụ sở: Số A đường Đ, phường Đ1, quận L, Thành phố N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trọng Tr, trú tại: A đường H, phường H1, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 11 năm 2020) có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH V

Trụ sở: Số C đường L, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Tiến S, trú tại: 36A đường Núi Thành, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty TNHH V) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn là Công ty Cổ phần Kỹ thuật X và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Trọng Tr đều trình bày: Ngày 14/5/2015, Công ty TNHH V (Bên A), (gọi tắt là Công ty B) và Công ty Cổ phần Kỹ thuật X (Bên B), (gọi tắt là HSD) ký kết Hợp đồng xây dựng số: 15.06.2015/HĐXD/HSD-BV, về việc *“Thi công toàn bộ phần cấp dự ứng lực căng sau có bóm dính của kết cấu sàn bê tông dự ứng lực công trình Khách sạn B Đà Lạt”*, tại địa chỉ số M G, Phường B, thành phố L, tỉnh Đ. Giá trị hợp đồng tạm tính là 3.180.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT). Khối lượng công việc theo Hợp đồng xây dựng số 15.06.2015/HĐXD/HSD-BV đã được hai bên ký xác nhận quyết toán công trình vào ngày 24/11/2015 và Bản cam kết thanh toán công nợ ngày 12/9/2017, với giá trị như sau: Giá trị HSD đã thực hiện là 2.571.295.000 đồng; giá trị Công ty B đã thanh toán cho HSD là 1.600.000.000 đồng và giá trị còn lại Công ty B phải thanh toán cho HSD là 971.295.000 đồng. Căn cứ vào Bản cam kết thanh toán công nợ ngày 12/9/2017, Công ty B còn phải thanh toán cho HSD số tiền là 971.295.000 đồng. Theo đó, các bên thỏa thuận *“Nếu mỗi tuần bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền: 20.000.000đ và trong thời gian 40 tuần mà bên A thanh toán cho bên B hết số tiền là: 800.000.000đ thì bên B sẽ hỗ trợ bên A số tiền 171.295.000đ. Thời gian thực hiện từ ngày 18/9/2017”*, nhưng đến nay Công ty B vẫn không thực hiện. Nay, HSD yêu cầu Công ty B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho HSD số tiền nợ gốc 971.295.000đ (Chín trăm bảy mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn) đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 12/9/2017 tạm tính đến nay theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng C Việt Nam (nơi HSD mở tài khoản) là 10%/năm. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu đòi Công ty B trả tiền lãi từ ngày 12/9/2017 đến 25/9/2017 là 3.762.149 đồng, chỉ yêu cầu Công ty B trả tiền lãi từ ngày 26/9/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm là 483.704.910đ (Bốn trăm tám mươi ba triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn chín trăm mười) đồng.

Bị đơn Công ty TNHH V (có ông Đinh Tiến S là người đại diện theo pháp luật) đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần tự khai, hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng trong suốt quá trình tố tụng, Công ty B (có ông Đinh Tiến S là người đại diện theo pháp luật) vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Kỹ thuật X là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của

nguyên đơn; buộc Công ty TNHH V phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật X số tiền nợ gốc 971.295.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Công ty Cổ phần Kỹ thuật X (sau đây gọi tắt là HSD) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH V (sau đây gọi tắt là Công ty B) phải thanh toán nợ theo hợp đồng xây dựng đã ký kết. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng xây dựng phát sinh trong hoạt động đầu tư xây dựng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại Điều 14 của Hợp đồng xây dựng số: 15.06.2015/HĐXD/HSD-BV ngày 14/5/2015 có nội dung: *“Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên thì các bên thống nhất đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết theo pháp luật”*. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là Hợp đồng xây dựng số: 15.06.2015, Bản cam kết thanh toán công nợ ngày 12/9/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng cho đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Kỹ thuật X có trụ sở tại địa chỉ số A đường Đ, phường Đ1, quận L, Thành phố N; còn Công ty TNHH V có trụ sở tại địa chỉ C, Phường L, quận B và số C đường L, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và các bên không có địa chỉ trụ sở hoạt động tại quận G, Thành phố N. Như vậy, xét thỏa thuận này là trái với quy định của pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy xác định điều khoản thỏa thuận này bị vô hiệu, nhưng phần vô hiệu này không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của những phần còn lại của hợp đồng; ngoài ra các đương sự không có thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn (là Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội) giải quyết tranh chấp cũng như nguyên đơn không có văn bản lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện (Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) để giải quyết; do đó Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết theo thẩm quyền chung. Xét thấy bị đơn có trụ sở tại địa chỉ C đường L, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc vắng mặt của của đương sự: Tại Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/6/2021 thể hiện Công ty B có trụ sở tại địa chỉ C đường L, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, đến nay Công ty chưa đăng ký giải thể. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng

địa chỉ trụ sở của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng người bị kiện không có địa chỉ hoạt động ổn định, thường xuyên thay đổi địa chỉ hoạt động của công ty mà không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ hoạt động mới của công ty làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện, vì vậy xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Công ty B có ông Đinh Tiến S là người đại diện theo pháp luật (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty B.

[1.4] Đối với yêu cầu Công ty B trả tiền lãi từ ngày 12/9/2017 theo lãi suất quá hạn 10%/năm. Mặc dù, tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2020, HSD đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty B trả tiền lãi từ ngày 12/9/2017 tạm tính đến thời điểm khởi kiện theo lãi suất 10%/năm, nhưng tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi Công ty B trả tiền lãi từ ngày 12/9/2017 đến 25/9/2017 là 3.762.149 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5 và khoản 2 Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của HSD đòi Công ty B trả tiền lãi từ ngày 12/9/2017 đến ngày 25/9/2017 theo lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc 971.295.000 đồng là 3.762.149 đồng; nếu sau này HSD khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. HSD không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[1.5] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh địa chỉ hoạt động của bị đơn cũng như xác minh nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hình thức, thẩm quyền giao kết hợp đồng: Công ty B giao kết hợp đồng với HSD thông qua người đại diện theo pháp luật của công ty, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 138 và Điều 141 Luật xây dựng năm 2014. Mục đích và nội dung của giao kết không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với ngành nghề đăng ký

kinh doanh của các bên nên xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 139 Luật xây dựng năm 2014.

[2.2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Giữa Công ty B và HSD có giao kết Hợp đồng xây dựng số: 15.06.2015/HĐXD/HSD-BV ngày 14/5/2015. Theo đó, HSD nhận thi công toàn bộ phần cấp dự ứng lực căng sau có bám dính của kết cấu sàn bê tông dự ứng lực công trình Khách sạn B Đà Lạt, tại địa chỉ số O G, Phường J, thành phố L, tỉnh Đ; thời gian thực hiện là 49 ngày. Thực hiện hợp đồng, HSD đã thực hiện thi công các hạng mục công việc được nêu tại Hợp đồng xây dựng số: 15.06.2015. Khối lượng công việc theo hợp đồng đã được hai bên ký xác nhận quyết toán công trình vào ngày 24/11/2015 và Bản cam kết thanh toán công nợ ngày 12/9/2017 với giá trị như sau: Giá trị thi công tính thành tiền HSD đã thực hiện là 2.571.295.000 đồng; giá trị Công ty B đã thanh toán cho HSD là 1.600.000.000 đồng; giá trị còn lại Công ty B phải thanh toán cho HSD là 971.295.000 đồng và HSD xuất hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ liên quan cho Công ty B. Như vậy, cho thấy HSD đã thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện HSD cho rằng kể từ sau thời điểm hai bên ký bản cam kết thanh toán công nợ, Công ty B đã ngưng thanh toán số tiền 971.295.000 đồng cho HSD. Về phía bị đơn Công ty B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy trong vụ án này các bên đương sự không tranh chấp về quá trình thi công, về khối lượng, chất lượng hạng mục, tiến độ, các khoản bảo hành, bảo hiểm cũng như giá trị hợp đồng do HSD thực hiện mà chỉ tranh chấp về giá trị thanh quyết toán (nghĩa vụ thanh toán).

Tại Bản cam kết thanh toán công nợ ngày 12/9/2017, Công ty B đã thừa nhận còn nợ HSD số tiền 971.295.000 đồng và cam kết sẽ trả cho HSD mỗi tuần 20.000.000 đồng, trong thời gian 40 tuần mà Công ty B thanh toán cho HSD số tiền 800.000.000 đồng thì HSD sẽ hỗ trợ cho Công ty B số tiền 171.295.000 đồng, thực hiện từ ngày 18/9/2017 nhưng sau đó Công ty B không thực hiện. Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B không tuân thủ các nội dung của Hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán, đã vi phạm mục 5.2 Điều 5, tiểu mục 8.2.10 mục 8.2 Điều 8 Hợp đồng xây dựng số: 15.06.2015/HĐXD/HSD-BV ngày 14/5/2015 và Bản cam kết thanh toán công nợ ngày 12/9/2017. Do đó, HSD yêu cầu Công ty B phải thanh toán trả số tiền nợ gốc 971.295.000đ (Chín trăm bảy mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn) đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 144 Luật xây dựng năm 2014; các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 11 Điều 19 và điểm đ, h khoản 2 Điều 27 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 971.295.000đ (Chín trăm bảy mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn) đồng từ ngày 26/9/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, thấy rằng: Theo điểm d khoản 4 Điều 146 Luật xây dựng năm 2014 quy định về thưởng, phạt hợp đồng xây dựng, bồi thường thiệt hại do vi phạm thì: *“4. Bên giao thầu phải bồi thường cho bên nhận thầu trong các trường hợp sau: d) Bên giao thầu chậm thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng”*. Tại điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng thì: *“1. Quyền của bên nhận thầu thi công xây dựng: c) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng; được quyền đòi bồi thường thiệt hại khi bên giao thầu chậm bàn giao mặt bằng và các thiệt hại khác do lỗi của bên giao thầu gây ra”*. Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP quy định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng như sau: *“2. Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”*.

Tại tiểu mục 5.2.2 mục 5.2 Điều 5 Hợp đồng xây dựng số 15.06.2015 quy định về thanh, quyết toán: *“Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nộp đủ hồ sơ quyết toán được phê duyệt và thư bảo lãnh tiền bảo hành công trình. Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị khối lượng quyết toán còn lại cho Bên B. Nếu sau thời gian trên Bên A chưa thanh toán cho Bên B thì Bên B có quyền tính lãi số tiền Bên A trả chậm theo lãi suất quá hạn của ngân hàng Bên B”*. Bản cam kết thanh toán công nợ ngày 12/9/2017, Công ty Bcam kết sẽ trả nợ cho HSD từ ngày 18/9/2017 nhưng sau đó Công ty Bkhông thực hiện, do đó HSD yêu cầu Công ty Btrả tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ.

Theo Thông báo số 464/BIDV.TBI-QLRR ngày 23/8/2022 của Ngân hàng P Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (nơi HSD mở tài khoản) công bố mức lãi suất áp dụng cho vay Tr dài hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại thời điểm ngày 18/9/2017 là 11,50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là 17,25%/năm. Nguyên đơn chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi suất 10%/năm, tức 0,83%/tháng thấp hơn mức lãi suất quá hạn do BIDV công bố tại thời điểm Công ty Bchậm thanh toán; ngoài ra đại diện HSD chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 26/9/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, đối với khoảng thời gian từ 18/9/2017 đến 25/9/2017 HSD không yêu cầu, xét đây là sự tự nguyện của HSD, có lợi cho Công ty B, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất và thời gian tính lãi của HSD, cụ thể:

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 26/9/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (26/9/2022) là 60 tháng: $971.295.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 60 \text{ tháng} =$

483.704.910đ (Bốn trăm tám mươi ba triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn chín trăm mười) đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi Công ty B phải thanh toán cho HSD: 971.295.000 đồng + 483.704.910 đồng = 1.454.999.910đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm mười) đồng.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Tại Hợp đồng số 15.06.2015 các bên có thỏa thuận trường hợp Công ty B chậm thanh toán thì phải trả lãi. Khoản 1 Điều 138 Luật xây dựng năm 2014 quy định về hợp đồng xây dựng: “1. *Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thỏa thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để thực hiện một phần hay toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng*”. Trường hợp này, cần xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến lĩnh vực xây dựng, nên cần áp dụng pháp luật xây dựng; tuy nhiên do pháp luật xây dựng không quy định lãi suất áp dụng đối với nghĩa vụ chậm thi hành án, vì vậy áp dụng Bộ luật dân sự để giải quyết. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Công ty B) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[5.1] Công ty Cổ phần Kỹ thuật X yêu cầu Công ty B trả số tiền 1.454.999.910đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm mười) đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 55.649.997đ (Năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm chín mươi bảy) đồng.

[5.2] Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật X số tiền 26.469.780đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm tám mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0068871 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 71; Điều 91; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 138; Điều 139; Điều 141; Điều 144 và điểm d khoản 4 Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Kỹ thuật X.

Buộc Công ty TNHH V phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật X số tiền 1.454.999.910đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm mười) đồng, trong đó nợ gốc: 971.295.000đ (Chín trăm bảy mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn) đồng và khoản tiền lãi quá hạn chậm thanh toán là 483.704.910đ (Bốn trăm tám mươi ba triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn chín trăm mười) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 12/9/2017 đến ngày 25/9/2017 theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 971.295.000đ (Chín trăm bảy mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn) đồng là 3.762.149 đồng của Công ty Cổ phần Kỹ thuật X, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty TNHH V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 55.649.997đ (Năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm chín mươi bảy) đồng.

3.2. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật X số tiền 26.469.780đ (Hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm tám mươi) đồng theo biên lai

thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0068871 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

Đặng Xuân Chính

Theo Thông báo số 464/BIDV.TBI-QLRR ngày 23/8/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (nơi HSD mở tài khoản) công bố mức lãi suất áp dụng cho vay Tr dài hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại thời điểm ngày 18/9/2017 là 11,50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là 17,25%/năm. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 có hiệu lực từ ngày 01/12/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định về lãi suất cơ bản là 9%/năm, tức 0,75%/tháng, như vậy việc đại diện HSD yêu cầu Công ty Btrả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước 9%/năm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất và thời gian tính lãi của HSD, cụ thể:

